

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2013

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K**

## MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	1 – 3
2	<b>Báo cáo kiểm toán</b>	4
3	<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
-	<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>	5– 7
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	8– 9
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ</i>	10
-	<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ</i>	11
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ</i>	12– 30

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho năm tài chính 2013 kết thúc ngày 30/06/2013.

### KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

#### *Trụ sở hoạt động*

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, Khu A, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

#### *Các đơn vị trực thuộc*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh chứng khoán.

#### *Ngành nghề kinh doanh:*

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

**Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:**

#### *Các thành viên Hội đồng quản trị:*

Ông Doãn Văn Phương	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Quyết	Ủy viên
Ông Dương Kim Ngọc	Ủy viên
Ông Đường Ngọc Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên

#### *Các thành viên Ban kiểm soát:*

Ông Lưu Đức Quang	Trưởng ban
Bà Trần Thị Chung	Thành viên
Ông Lê Đình Vinh	Thành viên
Ông Phan Quang Trường	Thành viên

#### *Các thành viên Ban Giám đốc:*

Ông Phạm Đức Thắng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2013
Bà Nguyễn Ngọc Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2013

**CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỶ VÀ SAU NGÀY KHOẢ SỔ KẾ TOÁN**

1. Công ty có thay đổi nhân sự ở một số chức vụ như sau:
  - + Ông Doãn Văn Phương – Chủ tịch HĐQT điều hành Công ty từ ngày 19/8/2013.
  - + Ông Nguyễn Thiện Phú làm Phụ trách kế toán tạm thời thay do Ông Nguyễn Quốc Vương – Kế toán trưởng xin thôi việc.
2. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đổi tên từ “Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC” thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex” kể từ ngày 04/09/2013.
3. Theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 15/2012/HDUTĐT-FLCS, Công ty ủy thác cho Công ty TNHH SG Invest ( nay là Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam) số tiền 212,1 tỷ đồng trong thời hạn 3 tháng, lãi suất cố định 12%/1 năm. Do điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt là trong lĩnh vực bất động sản, ngày 05/10/2013 Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam đã có văn bản số 85/2013 CV-NL về việc đề nghị Công ty không tiếp tục tính lãi ủy thác đầu tư của Hợp đồng nói trên kể từ ngày 20/03/2013 ( lãi ủy thác từ ngày 20/12/2012 đến 20/03/2013 đã được Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam thanh toán đầy đủ). Trên cơ sở văn bản đề nghị của Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và ban hành Nghị quyết số 26/2013/NQ-HDQT-ART ngày 06/10/2013 về việc chấp thuận không tính lãi ủy thác đầu tư đối với Hợp đồng số 15/2012/HDUTĐT-FLCS, tạo điều kiện cho Công ty TNHH Newland Holdings thanh toán đủ số tiền gốc của hợp đồng. Trước đó, ngày 13/09/2013 và 04/10/2013, Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam đã thanh toán tổng cộng 90.534.400.000 đồng, số tiền còn phải thanh toán là: 121.565.600.000 đồng

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Ban Giám đốc Công ty đã cung cấp đầy đủ các báo cáo tài chính, sổ sách và chứng từ kế toán cho các Kiểm toán viên.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- Công ty không thực hiện các giao dịch có liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Công ty. Các đối tác của Công ty là các tổ chức tín dụng, định chế tài chính, các doanh nghiệp và các cá nhân hoàn toàn độc lập với Công ty. Công ty cũng như các đối tác

của Công ty cũng không sở hữu cổ phiếu của bên kia cũng như là thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành của phía đối tác.

- Chúng tôi cam kết các thông tin trên là trung thực, được phản ánh đầy đủ, đúng với các số liệu kế toán của Công ty trong năm kỳ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



  
**Doãn Văn Phương**  
Chủ tịch hội đồng quản trị  
Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**  
Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2013



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

## THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội	Số 23 Đỗ Quang, Cầu Giấy, Hà Nội	- Tel: (04)6 251 0008	- Fax: (04)6 251 1327
Chi nhánh Miền nam	C14, Quang Trung, phường 11	- Tel: (08)3 589 7462	- Fax: (08)3 589 7464
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM	Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM	- Tel: (08)3 848 0763	- Fax: (08)3 526 7187
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng	- Tel: (0511)3 651 818	- Fax: (0511)3 651 808
Chi nhánh Lạng Sơn	Tổ 2, khối 14, đường Hà Triều	- Tel: (025)3 718 545	- Fax: (025)3 716 264

Số: 12/1/2013 /BCKT - TC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2013 của của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được lập ngày 08 tháng 10 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013 được trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

#### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2013 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex tại ngày 30/06/2013, cũng như kết quả kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2013

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn  
Thăng Long - T.D.K  
Phó Tổng Giám đốc



NGUYỄN TRUNG KIÊN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số 1129-2013-045-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN TIẾN THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số 1706-2013-045-1

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>226.866.936.514</b>	<b>219.760.816.691</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.655.918.249</b>	<b>3.357.391.296</b>
1. Tiền	111	V.01	3.655.918.249	3.357.391.296
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>212.496.532.060</b>	<b>213.176.333.304</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	212.798.780.719	214.303.743.034
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(302.248.659)	(1.127.409.730)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.03</b>	<b>10.412.183.355</b>	<b>2.864.795.441</b>
1. Phải thu khách hàng	131		441.000.000	5.863.600.000
2. Trả trước cho người bán	132		339.661.500	739.661.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		23.668.104	0
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		30.173.207.451	30.130.746.501
5. Các khoản phải thu khác	138		622.091.312	1.688.157.978
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(21.187.445.012)	(35.557.370.538)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>302.302.850</b>	<b>362.296.650</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		226.282.000	87.263.650
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	76.020.850	275.033.000
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.612.782.601</b>	<b>2.911.543.850</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>276.523.036</b>	<b>437.972.336</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	270.975.036	415.756.336
- Nguyên giá	222		9.383.574.888	9.383.574.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.112.599.852)	(8.967.818.552)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	5.548.000	22.216.000
- Nguyên giá	228		3.963.125.948	3.963.125.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.957.577.948)	(3.940.909.948)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.336.259.565</b>	<b>2.473.571.514</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	330.963.617	468.275.566
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2.005.295.948	2.005.295.948
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>229.479.719.115</b>	<b>222.672.360.541</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>88.925.966.228</b>	<b>85.252.263.802</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>88.925.966.228</b>	<b>85.252.263.802</b>
2. Phải trả người bán	312	V.08	325.018.040	12.416.158.036
3. Người mua trả tiền trước	313		888.700.000	313.700.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	1.396.215.420	227.580.227
5. Phải trả người lao động	315		444.896.894	257.892.654
6. Chi phí phải trả	316	V.10	39.650.795.941	26.193.455.929
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		15.675.422.063	15.311.807.964
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		403.060.533	403.060.533
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.11	30.141.857.337	30.128.608.459
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>140.553.752.888</b>	<b>137.420.096.739</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.12	<b>140.553.752.888</b>	<b>137.420.096.739</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		539.355.743	539.355.743
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		539.355.742	539.355.742
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.475.041.403	1.341.385.254
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>229.479.719.115</b>	<b>222.672.360.541</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		0	0
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		0	0
3. Tài sản nhận ký cược	003		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		0	0
5. Ngoại tệ các loại	005		0	0
6. Chứng khoán lưu ký	006		449.170.270.000	670.546.400.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		303.473.040.000	48.956.700.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		58.670.000	1.062.450.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		303.414.370.000	47.894.250.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		50.000.000	601.850.000.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		50.000.000	601.850.000.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		145.632.000.000	422.100.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		145.632.000.000	422.100.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		15.230.000	19.317.600.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		15.230.000	19.317.600.000

Người lập

**TRẦN THỊ THU HÀ**

Phụ trách kế toán

**NGUYỄN THIỆN PHÚ**



Lập, ngày 08 tháng 10 năm 2013

**Chức tịch HĐQT**

**CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 CHỨNG KHOÁN  
 ARTEX**

**DOÃN VĂN PHƯƠNG**

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>	<b>1</b>	<b>VI.13</b>	<b>1.497.302.403</b>	<b>4.806.222.725</b>	<b>7.040.509.285</b>	<b>6.125.187.045</b>
<i>Trong đó:</i>						
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		950.818.758	426.949.231	1.016.154.313	1.472.129.730
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		243.753	171.774.880	493.893	173.962.674
- Doanh thu hoạt động vắn	01.5		272.727.272	-	272.727.272	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		80.917.845	4.011.804	174.119.536	23.394.774
- Doanh thu khác	01.9		192.594.775	4.203.486.810	5.577.014.271	4.455.699.867
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>1.497.302.403</b>	<b>4.806.222.725</b>	<b>7.040.509.285</b>	<b>6.125.187.045</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>VI.14</b>	<b>6.985.171.382</b>	<b>6.620.511.280</b>	<b>10.820.995.056</b>	<b>6.880.867.148</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(5.487.868.979)</b>	<b>(1.814.288.555)</b>	<b>(3.780.485.772)</b>	<b>(755.680.103)</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>VI.15</b>	<b>(10.389.063.455)</b>	<b>3.987.382.530</b>	<b>(7.795.487.037)</b>	<b>6.257.155.043</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.901.194.476</b>	<b>(5.801.671.085)</b>	<b>4.015.001.266</b>	<b>(7.012.835.146)</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>	<b>VI.16</b>	<b>-</b>	<b>25.409.591.350</b>	<b>163.206.932</b>	<b>25.409.591.350</b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>	<b>VI.17</b>	<b>-</b>	<b>2.859.259.259</b>	<b>-</b>	<b>2.859.259.259</b>
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>22.550.332.091</b>	<b>163.206.932</b>	<b>22.550.332.091</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.901.194.476</b>	<b>16.748.661.006</b>	<b>4.178.208.198</b>	<b>15.537.496.945</b>
<b>12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>		<b>4.856.773</b>	<b>3.883.097.183</b>	<b>1.044.552.050</b>	<b>3.883.097.183</b>
<b>13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>VI.18</b>	<b>4.896.337.703</b>	<b>12.865.563.823</b>	<b>3.133.656.149</b>	<b>11.654.399.762</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>363</b>	<b>953</b>	<b>232</b>	<b>863</b>

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính  
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2013*

Người lập



**TRẦN THỊ THU HÀ**

Phụ trách kế toán



**NGUYỄN THIỆN PHÚ**

Lập ngày 08 tháng 10 năm 2013

Chủ tịch HĐQT



**ĐOÀN VĂN PHƯƠNG**

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2013  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		11.293.413.814	110.152.299.460
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(1.335.160.946)	(1.122.592.267)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		270.659.919.438	331.527.587.219
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(270.339.489.014)	(337.224.619.006)
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09		-	(59.470.000)
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(2.822.276.169)	(1.091.825.279)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11		(1.397.446.629)	(1.657.817.638)
12. Tiền thu khác	14		872.171.035	2.258.020.526
13. Tiền chi khác	15		(12.784.339.279)	(3.119.517.650)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(5.853.207.750)</b>	<b>99.662.065.365</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(297.560.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(117.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	8.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.151.734.703	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.151.734.703</b>	<b>(109.597.560.000)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50=20+30+40)	<b>50</b>		<b>298.526.953</b>	<b>(9.935.494.635)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.357.391.296	23.740.915.638
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		3.655.918.249	13.805.421.003

Người lập

TRẦN THỊ THU HÀ

Phụ trách kế toán

NGUYỄN THIỆN PHÚ



Lập, ngày 08 tháng 10 năm 2013

Chủ tịch HĐQT

ĐOÀN VĂN PHƯƠNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2013

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Kỳ này		Năm trước	Kỳ này
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	509.892.252	-	-	509.892.252	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	509.892.252	539.355.743	29.463.491	-	-	-	539.355.743	539.355.743
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	539.355.742	539.355.742	-	-	-	539.355.742	539.355.742
10. Lợi nhuận chưa phân phối	1.013.221.706	1.341.385.254	387.090.529	58.926.981	3.133.656.149	-	1.341.385.254	4.475.041.403
<b>Cộng</b>	<b>137.033.006.210</b>	<b>137.420.096.739</b>	<b>955.909.762</b>	<b>568.819.233</b>	<b>3.133.656.149</b>	<b>-</b>	<b>137.420.096.739</b>	<b>140.553.752.888</b>

Người lập



**TRẦN THỊ THU HÀ**

Phụ trách kế toán



**NGUYỄN THIÊN PHÚ**

Lập ngày 08 tháng 10 năm 2013



**DOÀN VĂN PHƯƠNG**

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý 2 năm 2013

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, Khu A, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

#### Các đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

#### Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế

toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

**IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch huỷ lệnh, sửa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

**1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:****2.1. Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**Phải thu khách hàng**

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

**Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

**2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT – BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu khách hàng đã quá hạn từ lâu, Công ty xác định đó là công nợ khó có khả năng thu hồi.

Số hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ là: 14.369.925.526 đồng.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:** Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	3 năm
- Phương tiện vận tải	5 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính****4.1. Nguyên tắc ghi nhận****Đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

**Đầu tư chứng khoán dài hạn**

Đầu tư chứng khoán dài hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được phân loại thành chứng khoán sẵn sàng để bán và được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**4.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính****Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư} = \left[ \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế của} \\ \text{các bên tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{-----}}$$



tài chính

Tổng vốn góp thực tế của các bên  
tại tổ chức kinh tế

**Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn :**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính	x	Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán	-	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	--	---	---	---	---

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Số hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong kỳ là: 825.162.071 đồng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí hoạt động kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

***Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.***

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả hộ cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

***Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán***

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: Chi phí lãi vay, chi phí thuê văn phòng và các chi phí phải trả khác.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*****Doanh thu cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:***

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:***

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng

khoản của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

**Doanh thu hoạt động tư vấn:**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

**Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

**Doanh thu khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi uỷ thác đầu tư, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%

**12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

**Các bên liên quan:** Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính  
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2013***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.***Đơn vị tính: VND*

<b>01. Tiền</b>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tiền mặt	7.119.885	12.359.031
- Tiền gửi ngân hàng	1.614.363.393	1.806.237.348
+ <i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	<i>939.115.036</i>	<i>1.177.544.985</i>
+ <i>Tiền gửi của Công ty</i>	<i>675.248.357</i>	<i>628.692.363</i>
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.034.434.971	1.538.794.917
<b>Cộng</b>	<b><u>3.655.918.249</u></b>	<b><u>3.357.391.296</u></b>

**Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ***Đơn vị tính: VND*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Khối lượng GD thực hiện trong kỳ</b>	<b>Giá trị KLGĐ thực hiện trong kỳ</b>
<b>a. Của công ty chứng khoán</b>	<b>400</b>	<b>1.910.000</b>
- Cổ phiếu	400	1.910.000
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
<b>b. Của nhà đầu tư</b>	<b>114.227.660</b>	<b>735.209.344.000</b>
- Cổ phiếu	114.227.660	735.209.344.000
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>114.228.060</b>	<b>735.211.254.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính  
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2013*

**02. Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh chi tiết tại Phụ Lục 1)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với giá trị trường				Ghi chú	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tăng		Giảm			
					Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ		
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>	36.215	136.593	698.780.719	2.203.743.034	-	302.248.659	1.127.409.730	396.532.060	1.076.333.304	
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	36.215	136.593	698.780.719	2.203.743.034	-	302.248.659	1.127.409.730	396.532.060	1.076.333.304	
- <i>Cổ phiếu</i>	36.215	136.593	698.780.719	2.203.743.034	-	302.248.659	1.127.409.730	396.532.060	1.076.333.304	
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>III. Đầu tư góp vốn</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>IV. Đầu tư tài chính khác</b>	-	-	212.100.000.000	212.100.000.000	-	-	-	212.100.000.000	212.100.000.000	(*)

(\*) Hợp đồng uỷ thác đầu tư số 15/2012/HĐUTDT-FLCS ngày 20/12/2012 với Công ty TNHH Bất động sản SG INVEST về việc uỷ thác đầu tư số tiền 212.100.000.000 đồng trong thời hạn 3 tháng, lãi suất uỷ thác cố định là 12%/năm và không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng đã hết hạn ngày 20/3/2013 và chưa được gia hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính  
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2013*

**03. Các khoản phải thu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ			Số PS trong kỳ			Số cuối kỳ			Số dự phòng
	Trong kỳ	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Trong kỳ	Số quá hạn	Số khó đòi		
									1	
<b>A</b>										9
1. Phải thu của khách hàng	5.863.600.000	-	5.863.600.000	300.000.000	5.722.600.000	441.000.000	-	141.000.000	-	141.000.000
- Công ty TNHH đầu tư và phát triển Đại Dương	5.722.600.000	-	5.722.600.000	-	5.722.600.000	-	-	-	-	-
- Các đối tượng khác	141.000.000	-	141.000.000	300.000.000	-	441.000.000	-	141.000.000	-	141.000.000
2. Trả trước cho người bán	739.661.500	-	-	1.760.202.000	2.160.202.000	339.661.500	-	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	30.130.746.501	-	29.693.770.538	10.280.063.682	10.237.602.732	30.173.207.451	-	29.794.773.263	-	21.046.445.012
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	30.130.746.501	-	29.693.770.538	10.280.063.682	10.237.602.732	30.173.207.451(*)	-	29.794.773.263	-	21.046.445.012
5. Phải thu khác	1.688.157.978	-	-	5.352.133.334	6.418.200.000	622.091.312	-	-	-	-
- Lãi phải trả cho các Hợp đồng ủy thác đầu tư	1.688.227.778	-	-	5.345.533.334	6.411.600.000	617.161.112	-	-	-	-
+ Công ty TNHH BDS SG Invest	805.366.666	-	-	5.345.533.334	6.150.900.000	-	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort	877.861.112	-	-	-	260.700.000	617.161.112	-	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	4.930.200	-	-	6.600.000	6.600.000	4.930.200	-	-	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>38.422.165.979</b>	-	<b>35.557.370.538</b>	<b>17.692.399.016</b>	<b>24.538.604.732</b>	<b>31.575.960.263</b>	-	<b>29.935.773.263</b>	-	<b>21.187.445.012</b>

(\*): Trong tổng số phải thu từ các hợp đồng hỗ trợ thanh toán mua chứng khoán 30.173.207.451 đồng thì số đã hết hạn từ các năm trước là 30.130.746.501 đồng( trong đó các hợp đồng có tài sản đảm bảo là 436.522.405 đồng, đã bán một phần tài sản đảm bảo và thu về 335.519.680 đồng, còn lại 100.549.167 đồng trích lập dự phòng), đã thực hiện trích lập dự phòng là 21.046.445.012 đồng.

04. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tạm ứng	71.020.850	270.033.000
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>76.020.850</b>	<b>275.033.000</b>

**05. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i>				
Số dư đầu năm	7.948.097.276	1.098.957.300	336.520.312	9.383.574.888
Số dư cuối năm	7.948.097.276	1.098.957.300	336.520.312	9.383.574.888
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Số dư đầu năm	7.607.327.140	1.051.338.000	309.153.412	8.967.818.552
- Khấu hao trong năm	88.900.000	47.619.300	8.262.000	144.781.300
Số dư cuối năm	7.696.227.140	1.098.957.300	317.415.412	9.112.599.852
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</i>				
- Tại ngày đầu năm	340.770.136	47.619.300	27.366.900	415.756.336
- Tại ngày cuối năm	251.870.136	-	19.104.900	270.975.036

**06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</i>			
Số dư đầu năm	2.598.343.400	1.364.782.548	3.963.125.948
Số dư cuối năm	2.598.343.400	1.364.782.548	3.963.125.948
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	2.576.127.400	1.364.782.548	3.940.909.948
- Khấu hao trong kỳ	16.668.000	-	16.668.000
Số dư cuối năm	2.592.795.400	1.364.782.548	3.957.577.948
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</i>			
- Tại ngày đầu năm	22.216.000	-	22.216.000
- Tại ngày cuối năm	5.548.000	-	5.548.000

**07. Chi phí trả trước dài hạn**

- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ
- Chi phí khác

**Cộng**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
221.109.050	309.125.000
109.854.567	159.150.566
<b>330.963.617</b>	<b>468.275.566</b>

**08. Phải trả người bán**

- Công ty CP FLC Land

Số cuối kỳ	Số đầu năm
-	12.134.200.000

- Các đối tượng khác	325.018.040	281.958.036
<b>Cộng</b>	<b>325.018.040</b>	<b>12.416.158.036</b>
<b>09. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Thuế thu giá trị gia tăng	27.272.728	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.227.296.381	182.744.331
- Thuế thu nhập cá nhân	141.646.311	44.835.896
<b>Cộng</b>	<b>1.396.215.420</b>	<b>227.580.227</b>
<b>10. Chi phí phải trả</b>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Chi phí phải trả cho Hợp đồng ủy thác quản lý vốn với bà Phạm Thị Thành Thuý (1)	34.775.596.938	24.246.625.000
- Chi phí thuê văn phòng	4.411.040.040	1.601.123.216
- Chi phí tư vấn	172.425.000	103.257.000
- Các khoản khác	291.733.963	242.450.713
<b>Cộng</b>	<b>39.650.795.941</b>	<b>26.193.455.929</b>
<b>11. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn</b>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Kinh phí công đoàn	43.509.265	70.781.396
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	30.400.776	2.229.047
- Phạm Thị Thành Thuý (1)	30.000.000.000	30.000.000.000
- Các khoản khác	67.947.296	55.598.016
<b>Cộng</b>	<b>30.141.857.337</b>	<b>30.128.608.459</b>

(1) Lãi và gốc của Hợp đồng ủy thác quản lý vốn số 92/2010/HĐUT/ARTEC-PTTT ngày 21/9/2010 và Phụ lục số 01 ngày 21/12/2010. Bên ủy thác là bà Phạm Thị Thành Thuý. Hợp đồng đã hết hạn ngày 21/1/2011 và chưa được gia hạn thêm. Công ty đã thực hiện ghi nhận lãi quá hạn theo đúng quy định trong hợp đồng.

## 12. Vốn chủ sở hữu

### 12.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	539.355.743	-	-	539.355.743
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	539.355.742	-	-	539.355.742
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.341.385.254	3.133.656.149	-	4.475.041.403
<b>Tổng cộng</b>	<b>137.420.096.739</b>	<b>3.133.656.149</b>	-	<b>140.553.752.888</b>



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

*Đơn vị tính: VND*

13. <b>Doanh thu</b>	<i>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.016.154.313	1.472.129.730
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	493.893	173.962.674
- Doanh thu hoạt động tư vấn	272.727.272	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	174.119.536	23.394.774
- Doanh thu khác	5.577.014.271	4.455.699.867
<i>Trong đó: Lãi uỷ thác đầu tư</i>	<i>4.520.372.263</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>7.040.509.285</b>	<b>6.125.187.045</b>
14. <b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<i>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí môi giới kinh doanh chứng khoán	297.507.065	503.665.777
- Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	757.052.315	20.112.123
- Chi phí hoạt động tư vấn	-	300.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	384.510.097
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(812.019.382)	-
- Chi phí khác	10.578.455.058	5.972.279.151
<b>Cộng</b>	<b>10.820.995.056</b>	<b>6.880.867.148</b>
15. <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<i>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.048.120.783	2.104.994.757
- Chi phí khấu hao TSCĐ	158.662.300	826.772.653
- Thuế, phí, lệ phí	12.441.158	30.308.613
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(14.369.925.526)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.221.693.248	2.908.139.020
- Chi phí bằng tiền khác	133.521.000	386.940.000
<b>Cộng</b>	<b>(7.795.487.037)</b>	<b>6.257.155.043</b>
16. <b>Thu nhập khác</b>	<i>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	25.409.591.350
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	-
- Các khoản khác	163.206.932	-
<b>Cộng</b>	<b>163.206.932</b>	<b>25.409.591.350</b>

17. Chi phí khác	<i>Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Điều chỉnh lãi UTĐT với Phạm Thị Hải Ninh	-	2.859.259.259
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.859.259.259</b>

  

18. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Kỳ này</i>
1. Tổng lợi nhuận kết toán trước thuế	4.178.208.198
2. Các khoản thu nhập không được tính vào thu nhập chịu thuế TNDN	-
3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế(*)	-
4. Số lỗ kết chuyển	-
5. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm( 4=1-2+3-4)	4.178.208.198
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành( 5=4x25%)	1.044.552.050

## VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 1. Công cụ tài chính

#### 1.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

#### 1.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
- Tiền, các khoản tương đương tiền	3.655.918.249	3.655.918.249
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	212.496.532.060	212.496.532.060
- Các khoản phải thu khách hàng	441.000.000	441.000.000
- Trả trước cho người bán	339.661.500	339.661.500
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	30.173.207.451	30.173.207.451
- Phải thu khác	622.091.312	622.091.312

#### 1.3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<b>Số dư ngày 30/06/2013</b>
- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	-
- Phải trả người bán	325.018.040
- Người mua trả tiền trước	888.700.000

- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15.675.422.063
- Chi phí phải trả	39.650.795.941
- Phải trả khác	30.141.857.337

**1.4. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty liên tục nghiên cứu và theo dõi đối biến động giá cả các mã chứng khoán để đưa ra những quyết định mang lại lợi ích cho Công ty.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	325.018.040		325.018.040
- Người mua trả trước	888.700.000		888.700.000
- Phải trả khác	30.141.857.337		30.141.857.337
- Chi phí phải trả	39.650.795.941		39.650.795.941
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15.675.422.063		15.675.422.063

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC và Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long – T.D.K.

**3. Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong kỳ**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (VND)	
			Năm 2013	Năm 2012
Công ty Cổ phần FLC Land (đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên FLC Land)	Chủ tịch HĐQT FLC Land cũng là thành viên HĐQT của Công ty	FLC Land ứng trước hợp đồng cung cấp dịch vụ	550.000.000	0
		Công ty trả tiền theo hợp đồng	12.134.200.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính  
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2013*

Công ty TNHH BĐS SG Invest (đổi tên thành Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam)	Cổ đông lớn, Giám đốc của Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam cũng là thành viên HĐQT của Công ty	Lãi Công thu được phát sinh từ Hợp đồng Ủy thác đầu tư	6.150.900.000	0
---	--	--	---------------	---

**4. Số dư với các bên liên quan tại ngày cuối kỳ**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung số dư	Số tiền (VND)	
			Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
Công ty Cổ phần FLC Land (đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên FLC Land)	Chủ tịch HĐQT FLC Land cũng là thành viên HĐQT của Công ty	FLC Land ứng trước tiền hợp đồng cung cấp dịch vụ	550.000.000	0
		Công ty phải trả theo hợp đồng	0	12.134.200.000
Công ty TNHH BĐS SG Invest (đổi tên thành công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam)	Cổ đông lớn, Giám đốc của Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam cũng là thành viên HĐQT của Công ty	Gốc của HĐ Ủy thác đầu tư	212.100.000.000	212.100.000.000
		Lợi tức Công ty còn phải thu của HĐ UTĐT	0	805.366.666
Công ty Cổ phần tập đoàn FLC	TGD Công ty CP Tập đoàn FLC là chủ tịch HĐQT của Công ty	Phải thu tiền cung cấp dịch vụ cho FLC	300.000.000	400.000.000

**5. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc đã chi trả trong kỳ:**

Các bên liên quan	Chức vụ	Số tiền (VND)
<b>Thù lao Hội đồng Quản Trị</b>		
Ông Doãn Văn Phương	Chủ tịch	30.000.000
Ông Trịnh Văn Quyết	Thành viên	30.000.000
Ông Đường Ngọc Hà	Thành viên	30.000.000
Ông Dương Kim Ngọc	Thành viên	30.000.000
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thư ký HĐQT	18.000.000
<b>Thù lao Ban kiểm soát</b>		
Ông Lưu Đức Quang	Trưởng ban	18.000.000
Bà Trần Thị Chung	Thành viên	18.000.000
Ông Lê Đình Vinh	Thành viên	18.000.000
Ông Phan Quang Trường	Thành viên	18.000.000
<b>Thù lao Ban Giám đốc</b>		
Ông Phạm Đức Thắng	Tổng Giám đốc	291.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Hoa	Phó Tổng Giám đốc	103.672.110

**Người lập**

**TRẦN THỊ THU HÀ**

**Phụ trách kế toán**

**NGUYỄN THIỆN PHÚ**



*Lập ngày 08 tháng 10 năm 2013*

**Chủ tịch HĐQT**

**DOÀN VĂN PHƯƠNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính  
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2013*

**PHỤ LỤC 1**

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Số với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường		Ghi chú
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>									
- Có phiếu	36.215	136.593	698.780.719	2.203.743.034	-302.249.659	-1.126.321.994	396.523.060	1.077.441.040	
- Trái phiếu	36.215	136.593	698.780.719	2.203.743.034	-302.249.659	-1.126.321.994	396.523.060	1.077.441.040	
- Chứng chỉ quỹ	6	6	157.744	157.744	-18.544	-17.944	139.2	139.8	
- Chứng khoán khác	5	5	110.000.000	110.000.000	0	0	110.000.000	0	
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>									
<b>I. Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>									
- Có phiếu	60	60	1.069.384	1.069.384	-397.384	-361.384	672	708	
EVE	5	5	0	0	23.5	27.5	23.5	27.5	
(ITASCO)	82	82	697.5	697.5	-549.9	-525.3	147.6	172.2	
BVS	80	80	1.528.000	1.528.000	-944	-848	584	680	
CDC	3	3	69.646	69.646	-9.646	-7.546	60	62.1	
CIC	61	61	397.3	397.3	-214.3	-177.7	183	219.6	
CSC	7	7	127.797	127.797	-54.997	-38.197	72.8	89.6	
CTG	8	8	191.3	191.3	-7.3	-44.1	184	147.2	
DCS	7	7	121.1	121.1	-32.2	767.9	88.9	889	
DIG	16	16	193.2	193.2	48.40	58	241.6	251.2	
DOC	2	2	102.6	102.6	-19	(810.000.000)	690.000.000	690.000.000	
DTL	64	64	499.98	499.98	-423.18	-429.58	76.8	70.4	
EIB	6	6	141.6	141.6	10.2	-33	151.8	108.6	
FLC	8	8	66.5	66.5	-21.7	-27.3	44.8	39.2	
FPT	70	70	917	917	-581	-497	336	420	
GGG	4	4	34.8	34.8	-9.2	-14.4	25.6	20.4	
GMD	15	15	128	128	-2	4	126	132	
HAP	50	50	395	395	-85	-145	310	250	
HBS	66	66	483.556	483.556	-245.956	-232.756	237.6	250.8	
HLA	6	6	86.4	86.4	160.80	28.8	247.2	115.2	
HLG	30	30	255	255	114	21	369	276	
HNM	88	88	1.037.600	1.037.600	-588.8	-448	448.8	589.6	
HPC									
HSG									
HVT									
ICG									

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2013

ITA	4	4	52.8	52.8	-25.6	-34	27.2	18.8
KDC	1	1	44.5	44.5	2.4	-4.5	46.9	40
KLS	95	95	1,344,500	1,344,500	-546.5	-537	798	807.5
KMR	14	14	82.4	82.4	-51.6	-39	30.8	43.4
LAF	6	6	113.4	113.4	-82.2	-90	31.2	23.4
MCG	5	5	64.5	64.5	-44.5	-45.5	20	19
MEC	50	50	572.5	572.5	-272.5	-352.5	300	220
MHC	5	5	27	27	-12.5	-13	14.5	14
NSC	1	1	33.9	33.9	46.1	11.6	80	45.5
PIT	5	5	54	54	-25	-23	29	31
POT	76	76	722	722	-159.6	-22.8	562.4	699.2
PPC	15	15	167.5	167.5	183.5	11	351	178.5
PTL	7	7	65.8	65.8	-46.9	-44.8	18.9	21
PVC	80	80	1,755,000	1,755,000	-451	-707	1,304,000	1,048,000
PVI	7	7	118,509	118,509	-7,909	-12,109	110.6	106.4
PVS	51	45	894,859	894,859	-99,259	-273,859	795.6	621
PVX	4	104	46,935	1,220,308	-26,935	-648,308	20	572
QNC	7	107	105,916	1,619,000	-70,216	(1,030,500)	35.7	588.5
REE	8	8	0	0	194.4	132.8	194.4	132.8
S99	0	100	0	1,114,000	0	-634	0	480
SD2	13	113	151,042	1,312,900	-66,542	-680.1	84.5	632.8
SD9	32	32	677,576	677,576	-402,376	-437,576	275.2	240
SDA	20	20	266,667	266,667	-184,667	-170,667	82	96
SDB	4	4	76,800,000	76,800,000	(70,800,000)	(69,600,000)	6,000,000	7,200,000
SDP	22	22	294.8	294.8	-215.6	-211.2	79.2	83.6
SEC	6	6	128.5	128.5	-12.7	-14.5	115.8	114
SHB	43	43	551	551	-254.3	-297.3	296.7	253.7
SHN	80	80	1,344,000	1,344,000	(1,248,000)	(1,248,000)	96	96
SHS	92	92	984.4	984.4	-414	-515.2	570.4	469.2
SJE	20	20	288	288	-78	-130	210	158
SJS	5	5	230.5	230.5	-160.5	-121.5	70	109
SRC	7	7	154,933	154,933	-26,833	-54,833	128.1	100.1
SSM	21	21	306.6	306.6	-174.3	-178.5	132.3	128.1
STB	4	4	54,464	54,464	15,536	25,136	70	79.6
TCM	2	2	35	35	-9	-23.4	26	11.6
TECHCOMBANK	25,348	25,348	487,009,600	487,009,600	(220,348,640)	(232,769,160)	266,660,960	254,240,440
TKC	93	93	1,062,500	1,062,500	-774.2	-681.2	288.3	381.3

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2013

TLH	9	66.6	66.6	-2.7	-20.7	63.9	45.9
V11	48	475.2	475.2	-422.4	-422.4	52.8	52.8
VCG	20	430.904	430.904	-200.904	-260.904	230	170
VCS	54	992	992	-527.6	-430.4	464.4	561.6
VNC	66	1.000.000	1.000.000	-142	-290	858	710
VPH	5	85.5	85.5	-58	-63	27.5	22.5
VSP	20	423.907	423.907	-397.907	-397.907	26	26
- Trái phiếu chính phủ (chỉ tiết danh mục trái phiếu chính phủ bị giảm giá/rủi ro)							
- Trái phiếu công ty (chỉ tiết danh mục trái phiếu công ty bị giảm giá/rủi ro)							
- Chứng chỉ quỹ (chỉ tiết danh mục chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro)							
- Chứng khoán khác (cổ phiếu OTC không xác định được giá thị trường)							

Người lập

TRẦN THỊ THU HÀ

Phụ trách kế toán

NGUYỄN THIỆN PHÚ

Lưu: ngày 08 tháng 10 năm 2013

Chủ tịch HĐQT



ĐOÀN VĂN PHƯƠNG





**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K**  
THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

---

**Các chi nhánh, văn phòng đại diện:**

- **Chi nhánh Miền Nam**  
C14, Quang Trung, phường 11,  
quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
- **Chi nhánh Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh**  
Số 28 Đặng Tất, phường Tân Định,  
quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- **Chi nhánh Đà Nẵng**  
Số 42, Trần Tông, phường Thạch Gián,  
quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
- **Chi nhánh Lạng Sơn**  
Số 319 đường Bà Triệu,  
phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- **VPĐD tại Bắc Kạn**  
Tổ 9B, phường Đức Xuân  
thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
- **VPĐD tại Lai Châu**  
Tân Phong 1, phường Tân Phong,  
thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu
- **VPĐD tại Sơn La**  
Đường Nguyễn Lương Bằng, tổ 3,  
phường Quyết Thắng, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La
- **VPĐD tại Cao Bằng**  
Số 107 phố Cũ, phường Hợp Giang,  
thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
- **VPĐD tại Lào Cai**  
Số nhà 37, đường Lê Thị Hồng Gấm,  
phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- **VPĐD tại Yên Bái**  
Số 34, đường Lý Thường Kiệt, phường Nguyễn Thái Học  
thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- **VPĐD tại Ba Vì**  
Thôn 7, xã Ba Trại  
Huyện Ba Vì, TP. Hà Nội
- **VPĐD tại Ninh Bình**  
Số 7, đường Lương Văn Thăng, phường Đồng Thành,  
thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
- **VPĐD tại Hải Dương**  
Số 2/72, đường Bùi Thị Xuân, phường Lê Thanh Nghị  
thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- **VPĐD tại Hưng Yên**  
Số 1 Vũ Trọng Phụng, phường Hiến Nam  
thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
- **VPĐD tại Quảng Nam**  
Số 30A Hùng Vương, phường Hòa Thuận,  
thị trấn Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam